

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2019/TCDS-ST

Ngày: 22-10-2019

V/v: “*Tranh chấp về chia di sản
thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST-TCDS ngày 10/12/2018 về việc: “Tranh chấp về chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-TCDS ngày 30/08/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/QĐST -TCDS ngày 17/09/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1965; cư trú tại: TDP số 21 thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978; cư trú tại: Xóm 11, Phú Văn Nam, xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; cư trú tại: Xóm 11, Phú Văn Nam, xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; cư trú tại: Xóm 11, Phú Văn Nam, xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Có mặt)

3. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1973; cư trú tại: Xóm 11, Phú Văn Nam, xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Có mặt)

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; cư trú tại: TDP số 22 ấp Phước Lâm, xã PH, huyện LD, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (Vắng mặt, xin xử vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn B; sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 8 ấp Phước Thọ, xã PH, huyện LD, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (Vắng mặt, xin xử vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1958; cư trú tại: Xóm Xuân Phong, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt, xin xử vắng mặt)

7. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; cư trú tại: Tổ 14 ấp Phước Thọ, xã PH, huyện LD, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (Vắng mặt, xin xử vắng mặt)

8. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1983; cư trú tại: Xóm Xuân Thịnh, xã HH, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Có mặt)

9. Trần Thị Minh V; sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 11, Phú Văn Nam, xã xã HC, huyện HH, tỉnh Nam Định. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Vũ Văn Q, sinh năm 1952; cư trú tại: Xóm 11, Phú Văn Nam xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971; cư trú tại: Xóm 11, Phú Văn Nam, xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

3. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1984; cư trú tại: Xóm 11, Phú Văn Nam, xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/08/2018, quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Văn Hóa, sinh năm 1939 (chết ngày 07/10/2017) và cụ Nguyễn Thị Là, sinh năm 1941 (chết ngày 02/09/2014). Cụ Hóa, cụ Là sinh được 10 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1958, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963, bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1965, bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968, ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970, ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1973, ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976, ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978, ông Nguyễn Văn B; sinh năm 1980, bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1983.

Khi còn sống cụ Hóa, cụ Là tạo lập được một thửa đất là tài sản chung và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Hóa tại thửa 37, tờ bản đồ số 34 ở xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định diện tích 1563m² (đất ở 360m², đất vườn 706m²; đất hai lúa 497m²), trên đất vào

khoảng năm 1960 cụ Hóa và cụ Là có xây ngôi nhà 5 gian lợp ngói và một số công trình nhỏ khác hiện nay hết giá trị sử dụng và được nhà nước giao 898m² đất hai lúa ngoài đồng, tại tờ số 33, thửa số 22/1 và tờ số 34, thửa số 22/1 ở xã Hải Châu. Năm 2010, ông Nguyễn Văn V có xây dựng một ngôi nhà hai tầng trên đất của cụ Hóa, cụ Là. Sau khi bà Ph đề nghị Ủy ban nhân dân xã xem xét giải quyết tranh chấp thì UBND xã Hải Châu cho biết trước khi chết cụ Hóa có để lại di chúc, hiện nay đang do ông H quản lý. Ngày 27/07/2018 hội đồng xóm có công bố di chúc của cụ Hóa để lại, di chúc được lập ngày 29/09/2017, đến ngày 06/10/2017 thì có xác nhận của UBND xã Hải Châu. Nội dung di chúc “phân cho ông Nguyễn Văn H quản lý và sử dụng một phần thửa đất là 390,7m² trong đó có 90m² đất ở và 300,7m² đất vườn nằm ở vị trí phía đông; (có tứ cận phía bắc giáp quốc lộ 21 dài 7m, phía Đông giáp thổ ông V là 90m; phía Nam giáp sông lạch ngang dài 7m, phía Tây giáp đất ông V dài 90m) và phân cho ông Nguyễn Văn V quản lý sử dụng một phần thửa đất là 390,7m² trong đó có 90m² đất ở và 300,7m² đất vườn, có tứ cận phía Tây giáp đất còn lại dài 90m; phía Bắc giáp quốc lộ 21 dài 7m, phía Đông giáp đất ông H dài 90m, phía nam giáp sông lạch ngang dài 7m. Còn lại một nửa thổ đất có diện tích 781,5m² còn lại nằm ở vị trí liền kề phía Tây thổ đất để làm cửa chung (có chiều cạnh phía Bắc giáp quốc lộ 21 dài 15m, phía Đông giáp đất ông V dài 90m; phía Nam giáp sông lạch ngang dài 7m, phía Tây giáp thổ ông Trường dài 90m). Anh V và anh H được thừa kế và sử dụng số đất trên và có trách nhiệm bảo quản đóng góp nghĩa vụ với nhà nước và tập thể”. Bà Ph cùng các anh em còn lại là bà L1, bà H1, bà L, ông Th, bà H2 cho rằng ngày 07/10/2017 là thời điểm cụ Hóa đang ốm rất mệt không đi lại được, không còn minh mẫn do đó bà Ph cho rằng di chúc của cụ Hóa để lại là không hợp lệ. Để đảm bảo quyền lợi cho mình và mọi việc được rõ ràng đối với khối di sản cha mẹ để lại bà Nguyễn Thị Ph đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại theo quy định pháp luật. Về nhận di sản thừa kế bà Ph xin nhận bằng hiện vật và xin được chia quyền sử dụng đất chung cùng với bà L, bà H1, bà H2, bà L1, ông Th. Vì là sáu chị em nên xin nhận chia cho sáu chị em phần đất phía Tây giáp thổ ông Trường và xin được quyền sử dụng chung phần đất được chia theo quy định pháp luật. Về di sản thừa kế là đất hai lúa ngoài đồng tại thửa 33 tờ bản đồ số 22/1 và tờ bản đồ số 34, thửa 22/1 xã Hải Châu (được nhà nước cho chuyển đổi làm đất nuôi trồng thủy hải sản) hiện nay ông V đang sử dụng đồng ý để ông V tiếp tục sử dụng và xin nhận kỷ phần được hưởng thừa kế bằng giá trị tài sản.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn V tại bản tự khai ngày 19/12/2018 và quá trình tham gia tố tụng trình bày: Ông V công nhận lời trình bày của bà Ph về quan hệ hôn nhân, huyết thống, thời điểm bố mẹ ông là cụ Là và cụ Hóa chết, về di sản thừa kế là bất động sản bà Ph trình bày là đúng. Tuy nhiên, năm 2010 thì cụ Hóa đã chia đất thổ cho 5 anh em trai trong gia đình, có lập thành quy ước, 4 con trai

đầu thì phải trả tiền mỗi suất 75.000.000đ còn con trai út là Nguyễn Văn B không phải trả tiền. Việc quy ước này có tất cả con dâu, con rể, con trai tham gia; có các con trai và con rể ký văn bản quy ước gia đình, việc lập quy ước này có nói đến vị trí cụ thể cho từng người con trai được hưởng và trách nhiệm thanh toán một khoản tiền cho các chị em gái. Từ thời điểm có quy ước đến nay, thổ đất và nhà của cụ Hóa và cụ Là vẫn giữ nguyên, chưa thay đổi. Năm 2013 ông V có xây một nhà mái bằng một tầng trên phần đất của cụ Hóa, cụ Là. Về di chúc của cụ Hóa, theo ông V thì việc cụ Hóa lập di chúc ông V không biết, tuy nhiên nếu hiện nay có di chúc thì ông V đề nghị Tòa án chấp nhận di chúc, phần diện tích đất chưa được định đoạt trong di chúc thì đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Về nhận kỷ phần được hưởng di sản thừa kế của cụ Hóa, cụ Là ông V xin nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất trong thổ, và xin nhận phần đất có ngôi nhà ông đã xây dựng trên đất của cụ Hóa, cụ Là liền kề với phần đất được chia của ông H, ông B, ông TH. Đối với các công trình xây dựng trên đất của cụ Hóa, cụ Là xây dựng do hiện nay không còn giá trị sử dụng nên ông không đề nghị chia di sản thừa kế. Đối với phần đất hai lúa ngoài đồng thuộc tiêu chuẩn của cụ Hóa và cụ Là, hiện nay đã chuyển đổi sang đất nuôi trồng thủy sản và do vợ chồng ông V đang quản lý sử dụng, đối với phân chia quyền sử dụng đất lúa ngoài đồng của cụ Hóa, cụ Là, ông V có nguyện vọng được sử dụng bằng hiện vật và thanh toán cho các đồng thừa kế khác bằng giá trị.

Người có quyền lợi liên quan đứng về phía Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn Th có lời khai thống nhất thống nhất với lời trình bày của bà Ph về quan hệ hôn nhân, huyết thống, thời điểm cụ Hóa và cụ Là chết, về di sản của cụ Hóa, cụ Là để lại và cùng đề nghị Tòa án không công nhận di chúc cụ Hóa để lại và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật. Về nhận di sản thừa kế, tất cả xin nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất trong thổ và xin nhận vị trí liền kề nhau. Về di sản thừa kế là đất hai lúa, các đương sự này đồng ý để ông V tiếp tục sử dụng và xin nhận chia kỷ phần thừa kế bằng giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến đứng về phía bị đơn ông Nguyễn Văn V là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B; bà Trần Thị Minh Việt có lời khai trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông V về quan hệ hôn nhân, huyết thống, thời điểm cụ Hóa và cụ Là chết, về di sản của cụ Hóa, cụ Là để lại như ông V trình bày. Đề nghị Tòa án chấp nhận di chúc của cụ Hóa, phần đất còn lại chưa định đoạt trong di chúc đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Về nhận di sản thừa kế tất cả xin nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất trong thổ và xin nhận vị trí liền kề

nhau. Về di sản thừa kế là đất hai lúa, các đương sự này đồng ý để ông V tiếp tục sử dụng và xin nhận chia kỷ phần thừa kế bằng giá trị.

Những người làm chứng: Ông Vũ Văn Q, ông Nguyễn Văn Đ, ông Phạm Văn H có lời khai lưu tại hồ sơ khẳng định di chúc do cụ Nguyễn Văn Hóa lập ngày 29/09/2017 là có thật, cụ Hóa lập di chúc khi minh mẫn, sáng suốt; việc lập di chúc của cụ Hóa là tự nguyện; do cụ Hóa không viết nên đã nhờ anh Phạm Văn H viết hộ. Sau khi viết xong, anh H đã đọc kiểm tra và xác nhận nội dung di chúc cho cụ Hóa nghe lại, cụ Hóa xác nhận đúng nội dung và đã điểm chỉ xác nhận từng trang của bản di chúc. Ông Phạm Văn Ruệ- Cán bộ tư pháp xã Hải Châu và ông Hoàng Văn V- Chủ tịch UBND xã Hải Châu xác nhận, do cụ Hóa có nhu cầu lập di chúc gửi đến UBND xã Hải Châu nên Chủ tịch UBND xã khi đó là ông Hoàng Văn V đã giao cho ông Phạm Văn Ruệ xuống nhà hướng dẫn cho cụ Hóa trong việc lập di chúc. Ông Ruệ khẳng định nội dung di chúc lập theo đúng nguyện vọng của cụ Hóa, cụ Hóa khi lập di chúc hoàn toàn minh mẫn, khỏe mạnh. Sau khi lập di chúc xong, ông Hoàng Văn V- Chủ tịch UBND xã Hải Châu đã xác nhận, chứng thực di chúc của cụ Hóa.

Tại phiên toà: Các đương sự người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến trình bày ở trên.

Ý kiến của đại diện V kiểm sát tại phiên tòa:

- Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph về việc chia di sản thừa kế của cụ Hóa và cụ Là.

Về chia di sản thừa kế của cụ Hóa, cụ Là: Xác định di sản thừa kế của cụ Hóa, cụ Là để lại là 1563m² đất tại thửa đất thửa 37 tờ bản đồ số 34 ở xã Hải Châu; thửa đất có giá trị là 4.532.700.000đ.

Về di chúc: Công nhận di chúc của cụ Là lập ngày 29/09/2017 là di chúc hợp pháp. Phần di sản còn lại của cụ Là và phần đất hai lúa ngoài đồng có diện tích 898m² đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật.

Về chia di sản thừa kế bằng hiện vật: Sau khi xem xét đến nguyện vọng, hoàn cảnh thực tế của các đương sự, nên chia các đương sự hưởng theo hiện vật là phù hợp. Về đất chia di sản thừa kế có chiều cạnh giáp đường lớn là 29,5m để đảm bảo giá trị đất các phần được chia không có sự chênh lệch lớn, đồng thời

đảm bảo việc sử dụng đất của các bên được Th lợi đề nghị Tòa án chia thổ đất cho ông H, ông B, ông TH, ông V sử dụng nửa thổ đất phía đông giáp hộ ông Nguyễn Văn Viên, chia cho bà H2, ông Th, bà L, bà L1, bà H1, bà Ph nửa thổ đất phía Tây giáp hộ ông Trường sử dụng theo quy định pháp luật.

Về công trình xây dựng trên đất các đương sự xác định không còn giá trị sử dụng nhất trí không đưa vào chia thừa kế, chia đất cho ai có công trình thì người đó được quyền sử dụng cần chấp nhận sự tự nguyện của đương sự.

Đối với diện tích hai lúa đất thuộc quyền sử dụng của cụ Hóa, cụ Là đang do ông V quản lý tiếp tục giao ông Nguyễn Văn V, được quyền sử dụng và buộc ông Nguyễn Văn V phải thanh toán bằng giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác.

Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn TH vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì tòa án tiến hành xét xử vắng các đương sự trên là phù hợp.

[2] *Về thời điểm mở thừa kế*:

Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Nguyễn Thị Là chết ngày 02/9/2014, cụ Nguyễn Văn Hóa chết ngày 07/10/2017. Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế của cụ Là là ngày 02/9/2014 và của cụ Hóa là ngày 07/10/2017.

[3] *Về diện và hàng thừa kế*: Theo tài liệu có trong hồ sơ và theo lời khai thống nhất của các đương sự: cụ Nguyễn Văn Hóa và cụ Nguyễn Thị Là là vợ chồng và có 10 người con gồm: Bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H2. Cụ Hóa, cụ Là không có con riêng, con nuôi nào khác. Do đó, căn cứ vào Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015, tại thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Là gồm: Cụ Hóa (chồng cụ Là) và 10 người con chung; hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hóa gồm 10 người con chung.

[3] *Về khối di sản thừa kế của cụ Hóa, cụ Là*:

- Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa các đương sự thống nhất di sản thừa kế của cụ Hóa, cụ Là gồm: Quyền sử dụng đất 1563m² tại tờ bản đồ số

34, thửa số 37 ở xã Hải Châu; một nhà cấp 4 nằm trên thửa đất này và Quyền sử dụng diện tích 898m^2 đất ruộng hai lúa ngoài đồng. Theo B bản định giá tài sản ngày 08/5/2019, Quyền sử dụng đất 1563m^2 tại tờ bản đồ số 34, thửa 37 ở xã Hải Châu có giá trị $1563\text{m}^2 \times 2.900.000\text{đ}/\text{m}^2 = 4.532.700.000\text{đ}$; nhà cấp bốn không còn giá trị sử dụng; Quyền sử dụng diện tích 898m^2 đất ruộng hai lúa có giá trị: $898\text{m}^2 \times 75.000\text{đ}/\text{m}^2 = 67.350.000\text{đ}$. Tổng tài sản chung của cụ Hóa, cụ Là có giá trị là 4.600.050.000đ.

Do cụ Hóa, cụ Là là vợ chồng nên theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ Hóa và cụ Là có phần quyền ngang nhau đối với khối tài sản chung của vợ chồng nên mỗi người có quyền đối với $1/2$ tài sản chung vợ chồng trị giá là $4.600.050.000\text{đ}/2 = 2.300.025.000\text{đ}$, trong đó: Quyền sử dụng đất tại thửa 37, tờ bản đồ số 24 có diện tích $1563\text{m}^2/2 = 781,5\text{m}^2$; có giá trị: 2.266.350.000đ; Quyền sử dụng đất lúa ngoài đồng có diện tích $898\text{m}^2/2 = 449\text{m}^2$; có giá trị 33.675.000đ. Do cụ Là chết trước cụ Hóa nên cụ Hóa còn được hưởng một phần di sản thừa kế của cụ Là theo luật và do cụ Hóa và cụ Là đều đã chết, không có nghĩa vụ, chi phí phải thanh toán nên phần tài sản này của mỗi người chuyển thành di sản thừa kế.

[4] Về xác định hiệu lực của di chúc do cụ Nguyễn Văn Hóa lập ngày 29/9/2017:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ph và những người liên quan bà L1, bà L, bà H2, bà H1, anh Th đều yêu cầu không công nhận di chúc là hợp pháp do thời điểm lập di chúc, cụ Hóa không đi lại được, không còn minh mẫn. Ông V, ông H đề nghị Tòa án công nhận di chúc của cụ Hóa để lại.

Qua xem xét hồ sơ, thu thập tài liệu chứng cứ do các đương sự xuất trình, lời khai người làm chứng Hội đồng xét xử xét (HĐXX) thấy:

Về hình thức của di chúc: Bản di chúc do cụ Nguyễn Văn Hóa điền chỉ ngày 29/09/2017, có xác nhận của UBND xã Hải Châu vào ngày 06/10/2017 thuộc trường hợp Di chúc bằng văn bản có người làm chứng. Theo quy định tại Điều 634 Bộ luật Dân sự 2015, bản di chúc trên đã do cụ Hóa điền chỉ vào từng trang của di chúc, có chữ ký xác nhận của hai người làm chứng, hai người làm chứng không thuộc đối tượng không được làm chứng theo quy định tại Điều 632 BLDS. Do đó, hình thức di chúc cụ Nguyễn Văn Hóa để lại là hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà Ph và những người liên quan bà L1, bà L, bà H2, bà H1, anh Th không công nhận di chúc vì cho rằng di chúc viết khi cụ Hóa không còn minh mẫn. Quá trình giải quyết vụ án, những đương sự trên không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình, trong khi đó, tại lời khai của những người làm chứng ông Q, ông Đ, anh H, của cán bộ Tư pháp- Hộ tịch, Đại diện UBND xã Hải Châu đều khẳng định: Cụ Hóa lập di chúc khi minh

mẫn, sáng suốt; việc lập di chúc của cụ Hó là tự nguyện; do cụ Hó không viết nên đã nhờ anh Phạm Văn H viết hộ. Do đó, yêu cầu không công nhận di chúc của bà Ph những người liên quan bà L1, bà L, bà H2, bà H1, anh Th không được chấp nhận.

Về nội dung của di chúc: Bản di chúc của cụ Nguyễn Văn Hó có nội dung: “...Tôi lập di chúc để lại $\frac{1}{2}$ tổng diện tích đất thổ là $781,5m^2$ nằm ở vị trí phía đông chia cho các con thừa kế và sử dụng với diện tích đất như sau: Con trai Nguyễn Văn H, sinh năm 1970,... tổng diện tích $390,7m^2$nằm ở vị trí phía Đông. Con trai Nguyễn Văn V, sinh năm 1975,... tổng diện tích $390,7m^2$...nằm ở phía Tây giáp đất còn lại. Còn lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất thổ là $781,5m^2$. Đất thổ nằm ở vị trí liền kề phía Tây để làm của chung.”

Xét thấy, Quyền sử dụng đất $1563m^2$ tại tờ bản đồ số 34, thửa 37 ở xã Hải Châu là tài sản chung của cụ Hó và cụ Là. Cụ Hó và cụ Là là vợ chồng hợp pháp do đó Theo quy định tại Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cụ Hó và cụ Là mỗi người có $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất diện tích đất $1563m^2$ tại tờ bản đồ số 34, thửa 37 ở xã Hải Châu . Tuy nhiên, cụ Hó đã định đoạt cả khối tài sản chung của hai cụ. Do đó di chúc này là di chúc hợp pháp một phần, cụ thể là phần định đoạt đối với tài sản là quyền sử dụng đất $781,5m^2$ của cụ Hó có hiệu lực. Phần diện tích đất còn lại $781,5m^2$ thuộc quyền sử dụng của cụ Là, cụ Là chết trước cụ Hó nên cụ Hó không có quyền định đoạt toàn bộ. Do đó, quyền sử dụng đất $781,5m^2$ còn lại xác định là di sản của cụ Là, do cụ Là chết không để lại di chúc nên phần di sản này được chia theo pháp luật cho cụ Hó và 10 người con.

Đối với diện tích đất hai lúa ngoài đồng diện tích $898m^2$, cụ Hó không định đoạt trong di chúc, cụ Là chết không để lại di chúc nên quyền sử dụng đối với diện tích đất hai lúa này được chia thừa kế theo pháp luật.

[5] Về chia thừa kế theo di chúc: Theo di chúc của cụ Hó chỉ định người thừa kế là ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Văn H, cụ Hó không có người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc nên di sản thừa kế của cụ Hó được định đoạt trong di chúc được chia cho ông V và ông H. Nội dung bản di chúc thể hiện cụ Hó chia cho ông Hó và ông V mỗi người được quyền sử dụng $390,7m^2$ đất, có mô tả vị trí, tứ cận thửa đất của ông H, ông V được hưởng nhưng việc mô tả, vị trí của cụ Hó không đúng với hiện trạng thửa đất. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân có thể do hiểu biết pháp luật của cụ Hó còn hạn chế, thửa đất hộ gia đình ông Hó sử dụng có đất của Ủy ban quản lý nên khi mô tả tứ cận khi phân chia đất cho ông H, ông V, cụ Hó đã mô tả cả phần chiều dài đất thuộc đất UB nên việc mô tả vị trí đất chia cho ông H, ông V của cụ Hó không đúng với hiện trạng. Do đó, về nguyện vọng chia phần diện tích đất $781,5m^2$ của cụ Hó chia đều cho ông H, ông V được hưởng bằng nhau cần

được chấp nhận mà cách nêu tứ cận thửa đất không ảnh hưởng đến nội dung di chúc. Mặt khác, ông H, ông V là những người thừa kế theo di chúc cùng hiểu thống nhất nội dung di chúc là quyền sử dụng đất 781,5m² của cụ Hó hóa tại thửa số 37, tờ bản đồ số 34 ở UBND xã Hải Châu chia đều cho ông H, ông V nên HĐXX xác định ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn V được quyền sử dụng 390,75m² đất theo di chúc là phù hợp.

[6] Về chia thừa kế theo pháp luật: Như đã phân tích ở trên, di sản thừa kế chia theo pháp luật gồm: Di sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 37, tờ số 34 ở UBND xã Hải Châu có diện tích 781,5m² thuộc quyền sở hữu của cụ Là và quyền sử dụng 898m² đất ruộng ngoài đồng của cụ Hó hóa và cụ Là. Do cụ Là chết trước cụ Hó hóa, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hó hóa có 10 người gồm: Bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H2 nên mỗi thừa kế này được hưởng phần di sản là 781,5m² : 10 = 78,15m² quyền sử dụng đất tại thửa số 37, tờ số 34 ở UBND xã Hải Châu, có giá trị 226.635.000 đ và 898m² : 10 = 89,8m² đất hai lúa ngoài đồng, có giá trị 6.735.000 đồng.

Như vậy các thừa kế của cụ Hó hóa, cụ Là được hưởng phần di sản như sau:

- Ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Văn H mỗi người được hưởng 390,75m² + 78,15m² = 468,9m² quyền sử dụng đất tại thửa số 37, tờ số 34 ở xã Hải Châu, có giá trị 468,9m² x 2.900.000đ/m² = 1.359.810.000 đồng và 89,8m² đất hai lúa ngoài đồng, có giá trị 89,8m² x 75.000đ/m² = 6.735.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H2 mỗi người được hưởng 78,15m² quyền sử dụng đất tại thửa số 37, tờ số 34 ở xã Hải Châu, có giá trị 78,15m² x 2.900.000đ/m² = 226.635.000 đ và 89,8m² đất hai lúa ngoài đồng, có giá trị 89,8m² x 75.000đ/m² = 6.735.000 đồng, tổng giá trị 233.370.000đ (gần bằng giá trị 80,5m² đất tại thửa số 37, tờ số 34 ở xã Hải Châu là 233.450.000đ)

[7] Về Phân chia di sản bằng hiện vật:

- Đối với di sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 37, tờ số 34 ở xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định:

Trong quá trình làm việc tại Tòa án các đương sự đều trình bày xin nhận di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất tại thửa số 37, tờ số 34 bằng hiện vật. Ngoài ra, các thừa kế bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H2 có nguyện vọng được chia chung vào một thửa đất ở phần đất phía Tây thô; ông V có nguyện vọng được

chia phần đất có ngôi nhà mái bằng mà vợ chồng ông V, bà V xây dựng nằm trong vị trí đất được chia; ông Nguyễn Văn H có nguyện vọng được chia phần đất phía Đông thổ, giáp thổ ông Viên để phù hợp với thực tế hiện nay ông đang mượn đất của cụ Hóa làm ngõ đi vào thổ đất phía trong của hộ gia đình ông. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, căn cứ nguyện vọng của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng xin hưởng kỷ phần di sản thừa kế bằng hiện vật và chia vị trí được hưởng như đề nghị của các đương sự là phù hợp với thực địa và không trái quy định pháp luật.

- *Đối với di sản là quyền sử dụng đất 898m² đất hai lúa* : Các thừa kế thống nhất giao anh V được quyền sử dụng. Anh V có trách nhiệm thanh toán chênh lệch chia tài sản cho các đồng thừa kế còn lại nên cần được chấp nhận là phù hợp. Qua xem xét hồ sơ địa chính thể hiện, đất hai lúa ngoài đồng của cụ Hóa, cụ Là chung thừa với diện tích đất lúa tiêu chuẩn của các con gồm anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H2 và được giao tại tờ số 33, thửa số 22/1 ở xã Hải Châu diện tích 3036m² và tờ số 34, thửa số 22/1 diện tích 310m². Hiện nay, anh V sử dụng toàn bộ diện tích đất trên do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp thuộc tiêu chuẩn của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B và diện tích đất trên đã chuyển đổi thành đất nuôi trồng thủy sản. Phần diện tích đất nông nghiệp thuộc tiêu chuẩn của chị Nguyễn Thị H2 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và được ông H sử dụng có vị trí giáp ruộng nông nghiệp của ông Nguyễn Văn H tại tờ số 33, thửa số 22/2 ở xã Hải Châu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định phần diện tích đất hai lúa 898m² của cụ Hóa, cụ Là giao cho ông Nguyễn Văn V sử dụng gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa số 20/1, tờ bản đồ số 34 ở xã Hải Châu diện tích 310m²;

+ Quyền sử dụng đất tại thửa 22/1, tờ bản đồ số 33 xã Hải Châu có diện tích 588m²; có chiều cạnh: Cạnh phía Bắc giáp mương dài 44m, cạnh phía Nam giáp đất ông V đang sử dụng dài 45m; cạnh phía Tây giáp sông Phú Lễ 2 dài 13,2m; cạnh phía Đông giáp thửa đất hộ ông V được chia dài 13,2m.

[7] Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xác định:

Công nhận di chúc của cụ Nguyễn Văn Hóa lập ngày 29/9/2017 là hợp pháp một phần.

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hóa định đoạt trong di chúc là: quyền sử dụng đất 781,5m² tại thửa số 37, tờ số 34 ở xóm 11 xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Xác nhận người thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Văn Hóa là ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V, mỗi người $\frac{1}{2}$ được hưởng di sản thừa kế theo di chúc là 390,75m².

Xác nhận di sản thừa kế chia theo luật gồm: Di sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 37, tờ số 34 ở xã Hải Châu có diện tích 781,5m² thuộc quyền sở hữu của cụ Là và quyền sử dụng 898m² đất ruộng tại thửa số 22/1, tờ bản đồ số 33 và thửa số 20/1, tờ bản đồ số 34 ở xã Hải Châu của cụ Hóa và cụ Là.

Chia vị trí đất cho các thừa kế bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H2 mỗi người được hưởng 80,5m² vào cùng một thửa ở phía Tây thổ, giáp hộ ông Trường (gọi là vị trí S1); chia vị trí đất có nhà mái bằng do vợ chồng ông V xây dựng giáp vị trí S1 cho ông V (gọi là vị trí S2); chia vị trí đất cho các thừa kế ông H, ông B, ông H mỗi người được hưởng 80,5m² vào cùng một thửa giáp vị trí S2 (gọi là S3); phần diện tích đất phía Đông thổ, giáp đất hộ ông Viên chia cho ông H sử dụng (gọi là S4) là có căn cứ, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các đương sự.

Bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn H, được hưởng chênh lệch phần di sản thừa kế được hưởng là 80.000đ (tám mươi nghìn đồng) tuy nhiên giá trị nhỏ so với kỷ phần được hưởng của mỗi đồng thừa kế nên không phải thanh toán chênh lệch tài sản. Ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch phần di sản thừa kế được hưởng cho ông Nguyễn Văn V số tiền 57.355.000đ (năm mươi bảy triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự ông V, ông H, ông B, ông TH xin sở hữu sử dụng kỷ phần di sản thừa kế đất được có vị trí ở phần phía Đông thổ đất tại thửa số 37, tờ số 34 ở xóm 11 xã Hải Châu. Ông Th, bà H2, bà L, bà L1, bà H1, bà Ph xin sở hữu, sử dụng chung kỷ phần di sản thừa kế ở phần đất phía Tây thổ đất tại thửa số 37, tờ số 34 ở xóm 11 xã Hải Châu được chia thừa kế.

[9] Về chi phí tố tụng và án phí:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà Ph đã nộp đủ và nhận nộp toàn bộ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị H2 được hưởng di sản thừa kế nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia thừa kế theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị L1 thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14; các đương sự ông V, ông H, bà L, bà H2, ông Th, bà H1, bà Ph có đơn xin miễn giảm án phí do điều kiện kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên được giảm 50% án phí theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn B, và ông Nguyễn Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 236, 357, 613; 623, 630, 635, 643, 645, 649, 650, 651, 659, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 50, 136 Luật Đất đai 2003.

Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244; 271; 273 BLTTDS 2015.

1. Xử chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Ph đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Là, cụ Nguyễn Văn Hóa.

2. Chia bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H2 được quyền sử dụng chung diện tích 483m² (gồm: đất CLN: 193m²; đất ONT: 100m²; đất LUC: 190m²) tại thửa số 37, tờ số 34 ở xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; trong đó mỗi người được quyền sử dụng 80,5m² có giá trị 233.450.000đ (hai trăm ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), có chiều cạnh tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đất Ủy ban dài 9m; Cạnh phía Nam giáp sông Lạch Giang dài 9m; Cạnh phía Tây giáp hộ ông Trường dài 53,5m; Cạnh phía Đông giáp đất ông V được chia dài 53,5m.

(Phần đất này gọi là S1)

3. Chia ông Nguyễn Văn V được quyền sử dụng: 428m² đất (gồm: đất CLN: 180m²; đất ONT: 90m²; đất LUC: 158m²) tại thửa số 37, tờ số 34 ở xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định có giá trị 1.241.200.000đ (Một tỷ hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm nghìn đồng), có chiều cạnh tứ cận như sau:

Cạnh phía Bắc giáp đất Ủy ban dài 8 m; Cạnh phía Nam giáp sông Lạch Giang dài 8m; Cạnh phía Tây giáp thửa đất S1 dài 53,5m; Cạnh phía Đông giáp đất ông H, ông B, ông H được chia dài 53,5m.

(Phần đất ông V được chia gọi là S2).

4. Chia ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng chung: 241,5m² đất (gồm: đất CLN: 96,5m²; đất ONT: 50m²; đất LUC: 95m²) tại thửa số 37, tờ số 34 ở xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trong đó mỗi người được quyền sử dụng 80,5m², có giá trị 233.450.000đ

(hai trăm ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đất Ủy ban dài 4,5 m; Cạnh phía Nam giáp sông Lạch Giang dài 4,5m; Cạnh phía Tây giáp thửa đất S2 dài 53.5m; Cạnh phía Đông giáp đất ông ông H được chia dài 53,5m.

(Phần đất này được gọi là S3.)

5. Chia ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng 410,5m² đất (gồm: đất CLN: 236,5m²; đất ONT: 120m²; đất LUC: 54m²) tại thửa số 37, tờ số 34 ở xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; có giá trị 1.190.450.000đ (một tỷ một trăm chín mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), có tứ cận như sau:

Cạnh phía Bắc giáp đất Ủy ban dài 8 m; Cạnh phía Nam giáp sông Lạch Giang dài 3,5m; Cạnh phía Tây giáp thửa đất S3 dài 53.5m; Cạnh phía Đông giáp đất ông Viên dài 17,0m+ 6,1m+ 5,4m+ 25,6m;

(Thửa đất này được gọi là S4).

6. Chia ông Nguyễn Văn V được quyền sử dụng 898m² đất lúa (hiện nay đã được chuyển đổi thành đất nuôi trồng thủy sản), có giá trị 67.350.000đ (sáu mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), gồm:

Quyền sử dụng đất tại thửa số 20/1, tờ bản đồ số 34 ở xã Hải Châu diện tích 310m² và Quyền sử dụng đất tại thửa 22/1, tờ bản đồ số 33 xã Hải Châu có diện tích 588m²; có chiều cạnh: Cạnh phía Bắc giáp ruộng dài 44m, cạnh phía Nam giáp đất ông V đang sử dụng dài 45m; cạnh phía Tây giáp sông Phú Lễ 2 dài 13,2m; cạnh phía Đông giáp thửa đất hộ ông V được chia dài 13,2m.

(Từ mục 2,3,4,5,6 có sơ đồ cụ thể vẽ kèm theo)

7. *Nghĩa vụ thi hành:* Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch phần di sản thừa kế chia bằng hiện vật được hưởng cho ông Nguyễn Văn V số tiền 57.355.000đ (năm mươi bảy triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Các đương sự được chia hiện vật có quyền và nghĩa vụ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. *Về án phí*: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L1 vì là đối tượng người cao tuổi.

Bà Nguyễn Thị Ph phải nộp 5.836.000đ (năm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng) nhưng bà Ph đã nộp 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại B lai số AA/2016/0000235 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà Nguyễn Thị Ph còn phải nộp 4.834.000đ (bốn triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H2 mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.836.000đ (năm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B mỗi người phải nộp là 11.672.000đ (Mười một sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn V mỗi người phải nộp 26.498.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

9. *Về quyền kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Minh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người phải thi hành án dân sự bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Châu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng